

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

1.1. Phạm vi công việc của gói thầu

- Công trình: Cải tạo, nâng cấp đường bê tông xóm Thiều Nau, xã Cao Phong;

- Gói thầu: Thi công xây dựng công trình (gói thầu số 04);
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Nguồn vốn: Nguồn đầu tư ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác;
- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Giá gói thầu đã bao gồm thuế VAT;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 250 ngày;
- Địa điểm: Xã Cao Phong, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Quy mô dự án và giải pháp thiết kế:

a. Bình đồ:

- Cơ tuyến thiết kế trên cơ sở bám theo đường hiện có, chỉ tiến hành cải tạo một số đoạn tuyến cục bộ để đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường. Tổng chiều dài 1.327,89m gồm 5 tuyến:

+ Tuyến 1 có chiều dài khoảng 106m, điểm đầu tuyến Km0+00 nối với đường bê tông 3m tại xóm Thiều Nau. Điểm cuối tuyến Km0+106 kết thúc tại xóm Thiều Nau.

+ Tuyến 2 có chiều dài khoảng 150m, điểm đầu tuyến Km0+00 giao với đường tỉnh lộ 12B tại Km2+200. Điểm cuối tuyến Km0+150 kết thúc tại xóm Thiều Nau.

+ Tuyến 3 có chiều dài khoảng 100m, điểm đầu tuyến Km0+00 giao với đường tỉnh lộ 12B tại Km2+650. Điểm cuối tuyến Km0+150 kết thúc tại xóm Thiều Nau.

+ Tuyến 4 có chiều dài khoảng 134m, điểm đầu tuyến Km0+00 giao với đường tỉnh lộ 12B tại Km2+765. Điểm cuối tuyến Km0+134 kết thúc tại xóm Thiều Nau.

+ Tuyến 5 có chiều dài khoảng 210m, điểm đầu tuyến Km0+00 giao với đường bê tông 4,5m tại xóm Thiều Nau. Điểm cuối tuyến Km0+210 kết thúc tại xóm Thiều Nau.

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: $R_{min}=10m$.

b. Trắc dọc:

- Cao độ đường đồ được thiết kế trên cơ sở các điểm khống chế: Điểm đầu, điểm cuối tuyến; các vị trí công trình thoát nước; thủy văn tuyến đường.

- Độ dốc dọc lớn nhất: $I_{dmax}=10,47\%$.

- Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất: $R_{min}=250m$.

c. Nền đường:

- Chiều rộng nền đường $B_{nền}=4,0m$ (không kể rãnh dọc).

- Nền đường đắp đất cấp 3 đầm $K \geq 0,95$.

- Độ dốc mái taluy nền đường đào 1/0,75.

- Độ dốc mái taluy nền đường đắp 1/1,50.

- Gia cố mái taluy nền đắp đoạn từ lý trình: Km0+44,50 - Km0+58,29 (hai bên tuyến 2), chiều dài $L=13,79m$; đoạn từ lý trình: Km0+98,25 - Km0+113,39 (hai bên tuyến 4), chiều dài $L=15,14m$; Kết cấu như sau: Gia cố mái taluy bằng bê tông xi măng (BTXM) mác 200, đá 1x2, dày 15cm, bố trí 01 lưới thép D8mm chống nứt, bước thép $a=200$, dưới đệm vỉa xi măng mác 75, dày 2cm; chân khay bằng BTXM mác 200 đá 2x4, dưới đệm đá dăm đầm chặt dày 10cm; độ dốc mái taluy 1/1.

d. Mặt đường:

+ Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt}=3,0m$.

+ Độ dốc ngang mặt đường: $I_{mặt}=2\%$.

- Kết cấu mặt đường như sau: Mặt đường bằng BTXM mác 300, đá 2x4, dày 18cm; lớp giấy dầu ngăn cách; lớp móng bằng cấp phối đá dăm loại II, dày 12cm.

- Tuyến thiết kế khe co với khoảng cách 4m/khe, 14 khe co bố trí 1 khe dẫn khe dẫn với khoảng cách 60m/khe.

- Khe co, khe dẫn, không bố trí thanh truyền lực.

- Tạo nhám mặt đường bằng những khe sâu từ 1,5 - 2mm, khoảng cách giữa 2 rãnh tạo nhám không lớn hơn 20mm, bề rộng rãnh tạo nhám không lớn hơn 2mm.

e. Lề đường:

- Chiều rộng lề đường: $B_{lề} = 2x0,5m$ (gia cố mỗi bên lề 0,25m như kết cấu mặt đường)

- Độ dốc ngang lề đường gia cố: $I_{lềgc} = 2\%$.
- Độ dốc ngang lề đất: $I_{lề} = 4\%$.
- Tại những vị trí gia cố rãnh và tường chắn lề đường gia cố như kết cấu mặt đường
- Tại các đoạn ốp mái mở rộng lề đường thêm 25cm lề đường gia cố như kết cấu mặt đường $B_{lềgc} = 0,5m + 0,25m$
- Lề đất đầm chặt K95

f. Rãnh dọc

- Thiết kế rãnh dọc đào trần hình thang, kích thước tiết diện lòng rãnh $(0,3 \times 0,4 \times 1,0)m$.
- Tuyến 1 tại Km0+6,81 - Km0+88,17 và nối rãnh ra suối dài 100m, thiết kế rãnh dọc chữ nhật có bản đáy chịu lực, tiết diện lòng rãnh $(B \times H) = (50 \times 70)cm$, kết cấu xây dựng như sau: Móng, thân rãnh bằng BTCT mác 200 dày 12cm, đệm móng rãnh bằng đá dăm dày 10cm. Tấm đan rãnh bằng BTCT mác 250. Kích thước $(0,74 \times 1 \times 0,14)m$, có thiết kế lỗ thoát nước mặt. Đắp đất hồ móng bằng đất cấp 3 đầm chặt $K \geq 0,95$. Tổng chiều dài $L = 181,36m$.

g. Tường chắn

- + Đoạn từ lý trình Km0+12,69 - Km0+50,28 (bên trái tuyến 3) thiết kế tường chắn taluy âm với chiều dài $L = 39,61m$, chiều cao $H = 1m$.
- + Đoạn từ lý trình Km0+12,69 - Km0+50,28 (bên phải tuyến 3) thiết kế tường chắn taluy âm với chiều dài $L = 46,35m$, chiều cao $H = 1m$.
- + Đoạn từ lý trình Km0+22,58 - Km0+85,61 (bên trái tuyến 5) thiết kế tường chắn taluy âm với chiều dài $L = 52,29m$, chiều cao $H = 2m$.
- Kết cấu như sau: Móng tường chắn bằng BTXM mác 200, thân tường chắn bằng BTXM mác 200, gia cố lòng suối bằng BTXM mác 200 dày 30cm, đệm đá dăm dày 10cm. Bố trí khe phòng lún 6m/khe, thoát nước lưng tường chắn bằng ống nhựa PVC D60mm bố trí khoảng cách 1m/ống.
- Đắp đất hồ móng bằng đất cấp 3 đầm chặt $K \geq 0,95$.

h. Công trình thoát nước:

- Công trình thoát nước vĩnh cửu, tải trọng thiết kế HL93x65% (tương đương H13-X60) tại 05 vị trí gồm, 02 cống bản Lo50, 01 cống bản Lo75, 01 cống bản Lo200 và 01 cống bản Lo300.
- Kết cấu cống bản Lo50, Lo75.

+ Móng cổng, móng tường cánh, móng hồ thu, chân khay gia cố sân tràn thượng lưu, hạ lưu bằng đá hộc xây vữa xi măng cát vàng mác 75.

+ Thân cổng, tường cánh, thân hồ thu bằng đá hộc xây vữa xi măng cát vàng mác 100.

+ Trát thân cổng, tường cánh vữa xi măng cát vàng mác 100.

+ Bản cổng bằng BTCT mác 250, phủ bản cổng bằng bê tông xi măng mác 250.

+ Mũ mố cổng bằng BTCT mác 200.

+ Đắp đất móng, thân cổng bằng đất cấp 3 đầm chặt $K \geq 0,95$

- Kết cấu cổng bản Lo200, Lo300.

+ Móng cổng, móng tường cánh, chân khay gia cố sân tràn thượng lưu, hạ lưu cổng bằng BTXM mác 200.

+ Thân cổng, thân tường cánh bằng BTXM mác 200.

+ Mũ mố bằng BTCT mác 200.

+ Dầm bản bằng BTCT mác 250.

+ Phủ bản bằng BTXM mác 250.

+ Giằng chống bằng BTXM mác 200.

+ Gia cố lòng, sân cổng, bằng BTXM mác 200.

+ Gờ chắn bằng BTCT mác 200.

+ Lan can tay vịn bằng thép hình mạ kẽm nhúng nóng.

+ Đắp đất móng, thân cổng bằng đất cấp 3 đầm chặt K0,95.

i. Nút giao:

- Công trình có 03 nút giao đầu tuyến 2, 3, 4. Nút giao được thiết kế bằng bán kính các nhánh rẽ được thiết kế phù hợp với quy mô tiêu chuẩn cấp đường và phù hợp với điều kiện địa hình phạm vi nút giao (trên nguyên tắc hạn chế lấn chiếm giải phóng mặt bằng). Chiều dài thiết kế các nhánh nút giao đảm bảo vượt nổi êm thuận. Quy mô mặt cắt ngang và kết cấu mặt đường sử dụng trong nút giao thiết kế phù hợp với tuyến thiết kế.

- Kết cấu mặt đường tại phạm vi nút giao được thiết kế phù hợp với kết cấu mặt đường hiện tại (chi tiết xem mục thiết kế mặt đường).

k. Hệ thống báo hiệu đường bộ:

- Hệ thống báo hiệu đường bộ thiết kế tuân thủ theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Cọc tiêu kích thước tiết diện (15x15x110)cm. Kết cấu bằng BTXM mác 200.

2. Thời hạn hoàn thành.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 250 ngày;

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 250 ngày;

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

Quy trình thi nghiệm xác định độ chặt nền đường, nền móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346-06
Mặt đường ô tô - xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát.	TCVN 8866:2011
Công tác đất quy phạm thi công nghiệm thu	TCVN 4447-2012
Đất xây dựng các phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195 ÷ 4202-2012
Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
Quy trình kỹ thuật đo độ bằng phẳng mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
Thi công và nghiệm thu các công tác nền móng	TCVN 9361:2012
Thi công và nghiệm thu các công tác nền móng	TCVN 9361:2012
Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép. Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
Cốt thép dùng cho bê tông	TCVN 1651:2018
Xi măng Poolăng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 2682:2020
Xi măng Poolăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 6260:2020
Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2022
Lu bánh lốp	22 TCN 254 - 98
Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia an toàn trong xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
Công trình xây dựng - Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
Lớp Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT ngày 17/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định tạm thời về kỹ thuật thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng	Quyết định số 1951/QĐ-BGTVT

trong xây dựng công trình giao thông	
Cổng quy phạm thi công và nghiệm thu	22 TCN 266-2000
Kết cấu gạch đá - quy phạm thi công nghiệm thu	TCVN 4085 – 2011
Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối, quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453-1995
Cát xây dựng: Yêu cầu kỹ thuật. yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570-2006
Quản lý chất lượng và bảo trì công trình theo Nghị định số: 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ	06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ
Các tiêu chuẩn các còn hiệu lực hiện hành...	

- Đối với các công tác không có quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam sẽ theo yêu cầu hoặc chỉ dẫn cụ thể trong bản vẽ thiết kế (kể cả theo các tiêu chuẩn nước ngoài). Những mục không ghi rõ trong hồ sơ bản vẽ thiết kế thì Nhà thầu có ý kiến bằng văn bản để cơ quan thiết kế trả lời cụ thể.

2. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các loại vật liệu, vật tư đưa vào sử dụng đều phải mới 100% và được thí nghiệm kiểm tra trước khi đưa vào thi công công trình; Nhà thầu cần sử dụng các loại vật tư, vật liệu theo đúng các yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt.

Tất cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào thi công và lắp đặt cho công trình phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ và phải đáp ứng các yêu cầu dưới đây.

a.Vật liệu chính

* **Xi măng:** Sử dụng xi măng Pooc lăng tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2682-2020. Nhà thầu phải chỉ sử dụng xi măng Mác PC30, kèm theo có các chứng chỉ xuất xưởng của lô hàng, nhãn mác của nhà máy sản xuất, phiếu kiểm định KCS; Xi măng Poóc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 6260:2020;

*** Cốt liệu cho bê tông và vữa:**

Yêu cầu tuân thủ theo :

- Vữa xây dựng – yêu cầu kỹ thuật TCVN 4314-2022;

- Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật TCVN 7570:2006

Hỗn hợp Bê tông trộn sẵn - Các yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu: TCVN XD 9340:2012

* **Cát:** Yêu cầu kỹ thuật. yêu cầu kỹ thuật: TCVN 7570-2006, sử dụng cát sạch đúng cấp phối hạt, độ ẩm dưới 3%.

Cát vàng dùng để đổ bê tông và xây lát phải là loại cát thô có đường kính hạt từ 0.14 đến 5mm và thỏa mãn các yêu cầu sau:

Hàm lượng sỏi có đường kính 5 đến 10mm không quá 10% trọng lượng hạt.

Trước khi sử dụng vào công trình, cát phải được sàng, nếu bẩn phải rửa sạch theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy phạm hiện hành.

*** Đá dăm:**

Sử dụng làm cốt liệu trong bê tông thỏa mãn các yêu cầu kỹ thuật trong đồ án thiết kế và Tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN XD 7570:2006:

+ Mỗi cỡ hạt hoặc hỗn hợp vài cỡ hạt phải có đường biểu diễn thành phần hạt theo tiêu chuẩn TCVN XD 7570:2006.

+ Cường độ chịu nén của nham thạch làm ra đá dăm > 1.5 lần mác của bê tông cần chế tạo (với bê tông có mác < 250).

+ Khối lượng của đá dăm không được nhỏ hơn 2,3 tấn/m³.

+ Hàm lượng hạt to hơn trong đá dăm không được vượt quá 35% theo khối lượng.

+ Hàm lượng hạt mềm và phong hoá trong đá dăm $< 1\%$ theo khối lượng.

Không cho phép có cục đất sét, gỗ mục, lá cây, rác rưởi và lớp màng đất sét bao quanh viên đá dăm. Tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN XD 7570:2006

*** Ván khuôn:** Tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9342-2012.

*** Nước:**

+ Tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4506-2012.

Thỏa mãn các yêu cầu sau đây:

+ Không có váng dầu, mỡ khi dùng cho bê tông và vữa hoàn thiện.

+ Lượng hợp chất hữu cơ $\leq 15\text{mg/lít}$, có độ PH không nhỏ hơn 4 và không lớn hơn 12,5.

+ Tổng lượng muối hoà tan và lượng ion sunphat, lượng ion clo và lượng cặn bã không tan không vượt quá trong quy định TCVN 4506 – 2012.

*** Cốt thép:** Tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 1651:2018.

Thép cốt bê tông - Thép vằn : TCVN 1651-2:2018

Thép được chia thành hai loại:

+ AI có $R_a = 2100\text{kg/cm}^2$.

+ AII có $R_a = 2700\text{kg/cm}^2$

Thép trước khi dùng phải được thí nghiệm để xác định cường độ thực tế.

Thép đủ yêu cầu kỹ thuật và được sự đồng ý của chủ Đầu tư mới đưa vào sử dụng.

- **Các vật tư khác:** Chỉ sử dụng khi có sự đồng ý của cán bộ giám sát và chủ đầu tư.

b. Máy móc, thiết bị

(Đáp ứng các tiêu chí đã kê khai theo mẫu yêu cầu trên hệ thống)

- Phải phù hợp với thuyết minh biện pháp thi công đã đề xuất trong E-HSDT

- Di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao

3. Yêu cầu về nhân lực: Ngoài nhân sự chủ chốt nhà thầu phải bố trí theo yêu cầu của Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt – Chương III của E-HSMT.

Nhà thầu phải bố trí thêm các công nhân kỹ thuật khác có tay nghề đảm bảo thi công các kết cấu của công trình theo thiết kế và đảm bảo tiến độ chất lượng;

Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị của nhà thầu phải phù hợp với biện pháp tổ chức thi công, kỹ thuật thi công tiến độ thi công nêu tại HSDT của nhà thầu, phù hợp với tiến độ thi công chi tiết mà nhà thầu lập khi khởi công công trình được chủ đầu tư phê duyệt và phù hợp với tiến độ thi công được cập nhật từng giai đoạn trong suốt quá trình Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình.

Hàng tuần người điều hành công trường của Nhà thầu phải vạch kế hoạch thực hiện từng công việc, xác định khối lượng dự kiến thực hiện, số lượng máy móc thiết bị thi công, thí nghiệm, công nhân. Kế hoạch này phải giao cho Đội trưởng, Tổ trưởng, nhóm thi công và phải giao cho Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát. Cuối ngày người điều hành công trường phải ghi kết quả thực hiện công việc trong ngày vào nhật ký.

Khi kết thúc thi công một công việc, hạng mục Nhà thầu phải đưa đầy đủ các số liệu và kết quả thực hiện vào sổ nhật ký để theo dõi.

Nhà thầu cần cung cấp danh sách cán bộ, công nhân để Chủ đầu tư xét duyệt, đăng ký tất cả thiết bị máy móc và phương tiện thi công với Chủ đầu tư mới được đi vào công trường thi công.

Lán trại, kho xưởng, đường công vụ, vị trí cửa ra vào công trường phải thông qua Chủ đầu tư trước khi thực hiện thông qua bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công.

***) Thiết bị phục vụ thi công:**

Đối với các máy móc chủ yếu do Nhà thầu đề xuất phù hợp với biện pháp thi công công trình nhà thầu phải có các tài liệu chứng minh thiết bị phù hợp với biện pháp thi công và khả năng cung cấp. Nhà thầu phải có biện pháp huy động thiết bị thi công đáp ứng được yêu cầu của gói thầu. Các máy móc phải được kiểm định theo quy định của Nhà nước.

***) Huy động nhân lực và các yêu cầu về hệ thống tổ chức nhân sự.**

Nhà thầu nêu bộ máy quản lý tại trụ sở và tại hiện trường (có sơ đồ và thuyết minh cụ thể).

Có thuyết minh đầy đủ nhiệm vụ của chỉ huy trưởng công trường và các bộ phận chức năng. Nêu rõ mối quan hệ của công ty đối với công trường.

Có đầy đủ các bộ phận: quản lý tiến độ, thí nghiệm, kỹ thuật, hành chính kế toán, an toàn, an ninh, môi trường, phòng chống cháy nổ và các tổ đội thi công.

Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chất ổn định của tất cả các hoạt động ở công trường trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.

Nhà thầu tổ chức và nêu rõ nhiệm vụ cụ thể của các tổ đội thi công

4. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công

Nhà thầu phải trình bày đầy đủ biện pháp thi công chi tiết cho các hạng mục theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công.

Nhà thầu phải đưa ra phương án thi công phù hợp. Biện pháp thi công phải phù hợp với tiến độ hoàn thành, tính chất kỹ thuật của từng hạng mục công việc, điều kiện thời tiết trong khu vực, điều kiện địa chất công trình, mặt bằng thi công;

Trình tự các bước thi công, công nghệ thi công, công nghệ thi công các công tác cơ bản để công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá thành, an toàn. Biện pháp tổ chức thi công phải được đại diện chủ đầu tư phê duyệt trước khi triển khai thi công (vẽ biểu đồ tiến độ, biện pháp thi công chi tiết theo công trình và biểu đồ tiến độ thi công tổng thể cho toàn bộ gói thầu);

- Trong mọi trường hợp, nhà thầu phải xây dựng biểu tiến độ thi công tổng thể của gói thầu phù hợp với yêu cầu của thực tế.

- Thiết kế tổng mặt bằng tổ chức thi công phải có thuyết minh các nội dung:

- + Bố trí mặt bằng bố trí công trình tạm;

- + Bố trí vị trí kho, bãi tập kết vật tư, vật liệu; phế thải;

- + Bố trí thiết bị thi công;

- + Bố trí cấp điện-chiếu sáng; cấp, thoát nước phục vụ thi công.

- Tổ chức bộ máy quản lý, chỉ huy công trường

- + Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy tổng thể của Công ty: trong đó thể hiện mối liên hệ giữa Công ty - Ban chỉ huy công trường, Công ty với Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn, kèm theo thuyết minh sơ đồ trong đó nêu rõ: Mối quan hệ giữa Công ty và công trường, Công ty với Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn; Quyền hạn; Trách nhiệm của Công ty, ban chỉ huy công trường; Tên các cán bộ phụ trách trực tiếp các hoạt động của công trường của công ty.

- Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy chỉ huy công trường: trong đó thể hiện mối liên hệ giữa chỉ huy trưởng công trường, bộ phận phụ trách kỹ thuật với các đội thi công. Kèm theo thuyết minh nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của các vị trí chủ chốt như: Chỉ huy trưởng công trường; Phụ trách kỹ thuật; Tổ trưởng thi công; ...

- Thuyết minh về các giải pháp thi công chính theo hồ sơ thiết kế và quy mô được duyệt.

5. Yêu cầu về chất lượng công trình:

Nhà thầu phải có hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo để thực hiện theo đúng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Trong hồ sơ dự thầu cũng như trong quá trình thi công sau này, nhà thầu phải trình bày cụ thể biện pháp tổ chức thi

công, biện pháp đảm bảo kiểm tra chất lượng thi công của mình.

6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

- Tuân thủ triệt để theo các qui định về phòng hỏa, chống sét, bảo vệ môi trường, an toàn lao động mà nhà nước và chính quyền địa phương quy định, Các vật liệu dễ cháy như: Xăng, dầu, gas, nhiên liệu, hóa chất... phải có kho, nơi chứa đựng và phải có sẵn các dụng cụ cứu hỏa: Thùng đựng cát khô, bình bột dập lửa, bể nước... Các kho phải để xa khu dân cư và nơi ở của công nhân,

Nhà thầu phải đưa ra các biện pháp để đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công gói thầu,

- Nêu rõ các tiêu chuẩn về phòng chống cháy nổ hiện hành

- Xác định các nguy cơ cháy nổ có thể xảy ra trong thi công và nguyên nhân của nó

- Các biện pháp phòng ngừa nguy cơ cháy nổ

- Tổ chức bộ máy quản lý PCCC tại hiện trường,

7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

- Nhà thầu phải có biện pháp chống ồn, chống bụi, không gây ô nhiễm cho môi trường xung quang và khu dân cư;

- Vật liệu xây dựng được tập kết từng khu vực riêng lẻ, gọn gàng và hợp lý, vận chuyển ra, vào công trình

- Biển báo, rào chắn công trường tại những vị trí đang thi công, Bố trí nhân sự chuyên trách thực hiện kiểm tra đôn đốc an toàn lao động vệ sinh môi trường khu vực thi công

- Nêu lên các biện pháp vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, chống ồn, chống bụi, các công tác chính không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, làm việc của khu vực lân cận,

- Đề xuất biện pháp xử lý chất thải sinh hoạt và quản lý chất thải trong quá trình thi công

8, Yêu cầu về an toàn lao động:

- Chịu trách nhiệm về an toàn của tất cả mọi người có mặt trên công trường, thực hiện, bảo vệ công trường (khi công trường còn ở dưới sự kiểm soát của Nhà thầu) và công trình (khi công trình chưa được hoàn thiện hoặc chưa bàn giao cho Bên mời thầu) an toàn

- Đề xuất về An toàn về điện, An toàn về cháy, nổ

- Bảo hiểm, bảo hộ cho công nhân xây dựng,

- Tổ chức tập huấn và học tập cho công nhân trên công trường\

- Liệt kê và phân tích nguyên nhân nguy cơ thiếu an toàn

- Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giải pháp khắc phục sự cố

- Nêu rõ chương trình về công tác an toàn, vệ sinh lao động cho từng công

việc, hạng mục công việc, vệ sinh công trường trước khi bàn giao

9. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng (nếu có); Nhà thầu phải thực hiện công tác bảo hành công trình theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu hoặc được nêu trong hợp đồng thi công ký kết (thời gian bảo hành, kế hoạch bảo hành...)

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

10. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của Nhà thầu

Được thực hiện theo Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Cụ thể trách nhiệm của Nhà thầu trong việc quản lý chất lượng công trình như sau:

- Chỉ được phép thi công những phần việc được ký kết tại Hợp đồng.

- Việc thi công phải theo đúng thiết kế đã được duyệt, áp dụng đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đã được quy định và chịu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên về chất lượng công trình của Bên mời thầu, cơ quan thiết kế, cơ quan giám sát và cơ quan giám định Nhà nước theo phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng.

- Chịu mọi trách nhiệm trước Bên mời thầu và trước pháp luật về chất lượng Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình kể cả những phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện theo quyết định của hợp đồng giao nhận thầu xây dựng.

- Vật tư, vật liệu sử dụng vào công trình phải có chứng nhận về chất lượng gửi cho Bên mời thầu để kiểm soát trước khi sử dụng.

- Tổ chức hệ thống đảm bảo chất lượng công trình để quản lý chất lượng sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công.

11. Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu.

- Yêu cầu các Nhà thầu phải tuân thủ đúng quy trình, quy phạm cho công tác thi công.

- Tất cả các vật tư phải có chứng chỉ của Nhà sản xuất và Nhà thầu. Kinh phí chứng nhận chứng chỉ thuộc kinh phí Nhà thầu.

- Thi công từng phần có nghiệm thu kỹ thuật, chất lượng theo đúng quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành. Nhà thầu phải bố trí cán bộ giám sát chính

trên công trường phụ trách công tác nghiệm thu nội bộ các hạng mục công trình và thực hiện công tác nghiệm thu theo đúng các qui định hiện hành.

IV. Các bản vẽ: Có Hồ sơ thiết kế đính kèm.